CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM
Số: 1508/2016/KT-VEFACJSC
V/v: Công bố báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam
2. Mã chứng khoán: VEF.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 148, đường Giảng Võ, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội.
4. Điện thoại: 04. 39749999 (990) Fax: 04. 39749351
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Thăng Long
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016 của Công ty cổ phần Trung tâm hội chợ Triển lãm Việt Nam được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016 bao gồm: Báo cáo của Ban giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

6.2 Các tài liệu đính kèm: Bản cứng và bản điện tử qua hệ thống IDS

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016 của Công ty cổ phần Trung tâm hội chợ Triển lãm Việt Nam: http://www.vefac.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0100111472 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thăng Long

Nơi nhận:
-Như trên.
-Lưu

BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KỲ TRƯỚC - BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Cho giai đoạn từ 06/5/2015 đến 30/6/2015	Chênh lệch	Tỷ lệ % chênh lệch
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	12,994,999,583	6,187,681,633	6,807,317,950	**110.01%**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	**0.00%**
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	12,994,999,583	6,187,681,633	6,807,317,950	**110.01%**
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(28,170,720,785)	(9,199,437,555)	(18,971,283,230)	**206.22%**
20	(Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(15,175,721,202)	(3,011,755,922)	(12,163,965,280)	**403.88%**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	46,876,362,674	4,506,815,353	42,369,547,321	**940.12%**
22	Chi phí tài chính	(536,245)	-	(536,245)	**100.00%**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*			-	**100.00%**
25	Chi phí bán hàng	(193,044,795)	-	(193,044,795)	**100.00%**
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5,707,466,393)	(3,844,148,650)	(1,863,317,743)	**48.47%**
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25,799,594,039	(2,349,089,219)	28,148,683,258	**1198.28%**
31	Thu nhập khác	66,410,907	-	66,410,907	**100.00%**
32	Chi phí khác	-	-	-	**0.00%**
40	Lợi nhuận khác	66,410,907	-	66,410,907	**100.00%**
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25,866,004,946	(2,349,089,219)	28,215,094,165	**1201.11%**
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(5,177,795,853)	-	(5,177,795,853)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20,688,209,093	(2,349,089,219)	23,037,298,312	**980.69%**

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ, giá vốn cung cấp dịch vụ và các chỉ tiêu còn lại của kỳ này tăng so với kỳ trước chủ yếu do chênh lệch kỳ so sánh (Số liệu của kỳ trước được tính từ ngày 06/5/2015 - ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần đến ngày 30/6/2015; trong khi số liệu kỳ này bao gồm số liệu của 6 tháng đầu năm 2016)

- Doanh thu từ hoạt động tài chính kỳ này tăng đột biến so với kỳ trước chủ yếu do phát sinh tăng lãi tiền cho vay và chênh lệch kỳ so sánh như trên.